

TỘI CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ VÀ MỘT SỐ TỘI KHÁC CÓ DẤU HIỆU CHỐNG NGƯỜI THI HÀNH CÔNG VỤ TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

ThS. PHẠM VĂN BÁU *

Những năm gần đây, các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự, tài sản để chống lại việc thi hành công vụ hoặc vì lí do công vụ của các nhà giáo, thầy thuốc, nhân viên thuế vụ, kiểm lâm nhân dân, cảnh sát nhân dân và những đại diện khác của cơ quan chính quyền nhà nước xảy ra nhiều và có tính chất nghiêm trọng. Ngoài việc xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người thi hành công vụ, các hành vi này còn xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của cơ quan nhà nước. Những hành vi chống người thi hành công vụ như học sinh hành hung thầy giáo, cô giáo, bệnh nhân hành hung thầy thuốc còn gây ra hiệu ứng về đạo đức xã hội.

Trong luật hình sự Việt Nam, hành vi chống người thi hành công vụ được quy định là tội phạm theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Theo nghĩa hẹp, hành vi chống người thi hành công vụ có thể cấu thành tội chống người thi hành công vụ theo quy định tại Điều 257 BLHS nếu không có dấu hiệu của một tội khác.

Theo nghĩa rộng, hành vi chống người thi hành công vụ có thể cấu thành một trong các tội sau:

- Tội giết người nếu “giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lí do công vụ của nạn

nhân” (điểm d khoản 1 Điều 93 BLHS);

- Tội đe doạ giết người nếu “đe doạ giết người thi hành công vụ hoặc vì lí do công vụ của nạn nhân” (điểm b khoản 2 Điều 103 BLHS);

- Tội cố ý gây thương tích hoặc... nếu cố ý gây thương tích hoặc... “đe cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lí do công vụ của nạn nhân” (điểm k khoản 1, 2, 3, 4 Điều 104 BLHS);

- Tội lây truyền HIV cho người khác nếu lây truyền HIV “đối với người thi hành công vụ hoặc vì lí do công vụ của nạn nhân” (điểm d khoản 2 Điều 117 BLHS);

- Tội cố ý truyền HIV cho người khác nếu cố ý truyền HIV “đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lí do công vụ của nạn nhân” (điểm d khoản 2 Điều 118 BLHS);

- Tội làm nhục người khác nếu làm nhục “đối với người thi hành công vụ” (điểm d khoản 2 Điều 121 BLHS);

- Tội vu khống nếu vu khống “đối với người thi hành công vụ” (điểm đ khoản 2 Điều 122 BLHS);

- Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật nếu bắt, giữ hoặc giam “đối với người thi hành công vụ” (điểm c khoản 2 Điều 123 BLHS);

- Tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản nếu những hành vi này được thực hiện

* Giảng viên chính Khoa luật hình sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

“vì lí do công vụ của người bị hại” (điểm đ khoản 2 Điều 143 BLHS).

Tuy được quy định ở các tội phạm khác nhau và xếp ở những nhóm tội khác nhau nhưng tất cả các trường hợp phạm tội trên đây đều có một số điểm chung sau đây:

+ Đối tượng bị xâm hại là người thi hành công vụ, thời điểm họ bị xâm hại có thể là trước, trong hoặc sau khi thực hiện công vụ được giao vì lợi ích chung. Riêng tội chống người thi hành công vụ thì nạn nhân luôn bị xâm hại khi đang thi hành công vụ;

+ Động cơ của người phạm tội dù là “giết người đang thi hành công vụ...” hay bất kì động cơ nào khác trong số các tội nêu trên, tuy quy định của các điều luật không giống nhau, theo chúng tôi đều có yếu tố chống người thi hành công vụ. Yếu tố đó được biểu hiện ở động cơ của người phạm tội, động cơ đó có thể là: Để cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc để trả thù người thi hành công vụ; hoặc để đe doạ người khác; hoặc kết hợp một số động cơ nói trên. Riêng tội chống người thi hành công vụ (Điều 257 BLHS) còn có thêm động cơ ép buộc người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật. Tính chống đối người thi hành công vụ của người phạm tội không chỉ thể hiện ở việc cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ... và hành vi phạm tội xảy ra ngay khi nạn nhân đang thi hành công vụ mà còn thể hiện là để trả thù, để dằn mặt người thi hành công vụ... và do vậy hành vi chống người thi hành công vụ không chỉ xảy ra khi nạn nhân đang thi hành công vụ mà còn xảy ra trước hoặc sau khi nạn nhân thi

hành công vụ.

Khi nghiên cứu những quy định của BLHS về tội chống người thi hành công vụ và các tội khác có dấu hiệu chống người thi hành công vụ, chúng tôi thấy cần tiếp tục làm rõ một số vấn đề sau:

Thứ nhất, phân biệt rõ hơn trong luật tội chống người thi hành công vụ với các tội khác có dấu hiệu chống người thi hành công vụ;

Thứ hai, hoàn thiện các quy định trong các điều 93, 103, 117, 118, 121, 122, 123 và 143 theo hướng quy định của các điều luật này phải thể hiện rõ và đầy đủ các động cơ của người phạm tội.

Như đã trình bày ở trên, trong luật hình sự Việt Nam, chống người thi hành công vụ có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức (hành vi) khác nhau, xâm phạm các khách thể khác nhau, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau nên được quy định là tội phạm trong nhiều tội danh khác nhau với các khung hình phạt cũng rất khác nhau về mức độ nghiêm khắc. Tuy nhiên, quy định của Điều 257 BLHS chưa có sự phân biệt giữa tội chống người thi hành công vụ với các tội khác có dấu hiệu chống người thi hành công vụ. Điều luật này chỉ nêu: “*Người nào dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị...*” nhưng trong thực tế lại xảy ra những hành vi mang dấu hiệu của nhiều tội như: Hành vi dùng vũ lực cản trở... hoặc... có thể không gây thương tích hoặc tồn tại cho sức khoẻ, có thể gây thương tích hoặc... có thể gây hậu quả chết người; Hành vi đe

doa dùng vũ lực cản trở... hoặc... có thể là đe doa gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ, có thể đe doa giết người; Thủ đoạn khác cản trở... hoặc... có thể là vu khống, làm nhục, bắt, giữ hoặc giam, hủy hoại tài sản, lây truyền HIV, doa huỷ hoại tài sản, tố giác những vi phạm (nếu có)... đối với người thi hành công vụ. Những hành vi nói trên có dấu hiệu của nhiều tội: Tội chống người thi hành công vụ và một trong số các tội có dấu hiệu chống người thi hành công vụ. Trong trường hợp này xử lí người phạm tội về tội gì? Một tội hay nhiều tội? Nếu xử lí về một tội thì chọn tội gì để xử lí? Nghị quyết số 04-HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định tội chống người thi hành công vụ (Điều 205 BLHS năm 1985) có viết: “*Nếu người phạm tội giết người thi hành công vụ, thì họ bị xử lí về tội giết người theo điểm e khoản 1 Điều 101. Nếu họ gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người thi hành công vụ thì tùy tình tiết của vụ án, họ bị xử lí theo điểm b khoản 2 Điều 109 (gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khoẻ) hoặc theo khoản 3 Điều 109 (gây cố tật nặng hoặc dẫn đến chết người)...*” Tham khảo hướng dẫn trên đây của Nghị quyết số 04 và căn cứ vào quy định của BLHS năm 1999 về tội chống người thi hành công vụ và các tội khác có dấu hiệu chống người thi hành công vụ thi thấy rằng bước đầu đã có sự phân biệt giữa các tội này. Theo quy định của BLHS, mặc dù chưa có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, chúng ta chỉ được chọn một tội: Hoặc tội chống người thi hành công vụ (Điều 257) hoặc một trong

số các tội được quy định trong các điều 93, 103, 104... để xử lí người phạm tội mà không thể xử lí về nhiều tội. Tội đó phải hoặc là một trong các tội danh tương ứng theo khung hình phạt tăng nặng nếu hành vi chống người thi hành công vụ đã thoả mãn dấu hiệu CTTP của một trong các tội này mới phản ánh đúng và đầy đủ nhất tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Đây chính là trường hợp mà khoa học luật hình sự gọi là dấu hiệu định tội của tội danh nhất định đồng thời đã được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng của tội phạm khác. Khi đã quy định dấu hiệu định tội thuộc một CTTP thành dấu hiệu định khung hình phạt thuộc CTTP khác thì hành vi chỉ cấu thành một tội và thuộc khung hình phạt tăng nặng.⁽¹⁾ Chỉ khi hành vi chống người thi hành công vụ không có dấu hiệu của một tội khác nghiêm trọng hơn mới xử lí người phạm tội theo Điều 257 BLHS. Vì vậy, để thống nhất với các điểm d khoản 1 Điều 93, điểm b khoản 2 Điều 103... thì quy định của Điều 257 cần được hoàn thiện theo hướng quy định của tội này phải bổ sung nội dung loại trừ những hành vi chống người thi hành công vụ đã được quy định là tội phạm trong các điều luật khác của BLHS, tương tự quy định của Điều 205 BLHS năm 1985.⁽²⁾

Cụ thể là: Điều 257: Tội chống người thi hành công vụ.

“1. Người nào dùng vũ lực, đe doa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật nếu không thuộc trường hợp quy

định ở các điều 93, 103, 104, 117, 118, 121, 122, 123 và 143 của Bộ luật này, thì bị...”.

Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy, hành vi chống lại người thi hành công vụ được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, gây ra hoặc đe doạ gây ra những hậu quả nguy hiểm cho xã hội cũng rất khác nhau như thiệt hại cho tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự, tự do thân thể, tài sản của người thi hành công vụ và được quy định là tội phạm trong nhiều tội danh như đã nêu ở phần đầu bài viết này. Những hành vi chống người thi hành công vụ này có thể xảy ra trước, trong hoặc sau khi người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ. Trong những trường hợp phạm tội này động cơ của người phạm tội hoặc là để cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ hoặc là để trả thù người thi hành công vụ hoặc là để đe doạ người khác hoặc kết hợp một số động cơ phạm tội này. Và chính vì có những động cơ phạm tội như vậy mới làm tăng lên một cách đáng kể mức độ nguy hiểm cho xã hội của các hành vi phạm tội, cơ sở để tăng nặng trách nhiệm hình sự và chỉ khi phạm tội đối với người thi hành công vụ có những động cơ hoặc là để cản trở... hoặc là để trả thù... chúng ta mới có cơ sở quy định những trường hợp phạm tội đối với người thi hành công vụ là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt trong những tội nhất định. Ngược lại, nếu hành vi phạm tội tuy có xảy ra đối với người thi hành công vụ nhưng người có hành vi không nhằm cản trở... hoặc trả thù... hoặc... thì chúng ta cũng không có lí do để quy định việc phạm tội đối với người thi hành công vụ là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong khi đó trừ

quy định ở điểm k khoản 1 Điều 104 còn quy định của các điểm d khoản 1 Điều 93, điểm b khoản 2 Điều 103, điểm d khoản 2 Điều 117, điểm d khoản 2 Điều 118, điểm d khoản 2 Điều 121, điểm đ khoản 2 Điều 122, điểm c khoản 2 Điều 123 và điểm đ khoản 2 Điều 143 BLHS hiện hành hoặc không phản ánh được hoặc tuy có phản ánh nhưng không đầy đủ các động cơ của người phạm tội. Ví dụ: Các quy định “giết người đang thi hành công vụ hoặc...” (điểm d khoản 1 Điều 93), “đối với người thi hành công vụ hoặc...” (điểm b khoản 2 Điều 103)... mới chỉ phản ánh được thực tế khách quan là hành vi phạm tội xảy ra đối với người thi hành công vụ mà chưa phản ánh được động cơ của người phạm tội trong các trường hợp này là để cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ. Quy định phạm tội “đối với người thi hành công vụ” trong các điểm d khoản 2 Điều 121, điểm đ khoản 2 Điều 122, điểm c khoản 2 Điều 123 và phạm tội “vì lí do công vụ của người bị hại” điểm đ khoản 2 Điều 143 đã không phản ánh rõ mà còn phản ánh không đầy đủ động cơ của người phạm tội bởi người phạm một trong các tội này có thể để cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ, có thể để trả thù hoặc để đe doạ người khác.

Nghị quyết số 04-HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định: “Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lí do công vụ của nạn nhân” (điểm c khoản 1 Điều 101 BLHS năm 1985) có viết: “... Kẻ giết người có thể thực hiện tội phạm khi nạn nhân sắp thi hành công vụ hoặc đang thi hành công vụ để cản trở họ thực hiện công vụ hoặc giết người

đã thi hành công vụ để trả thù họ hoặc để đe doạ người khác". Hướng dẫn này của HĐTPTANDTC đã xác nhận các động cơ của người phạm tội “giết người đang thi hành công vụ hoặc...” nhưng theo chúng tôi không chỉ đối với trường hợp “giết người đang thi hành công vụ hoặc...” mà còn đối với các trường hợp phạm tội đối với người thi hành công vụ đã được quy định là dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng trong BLHS người phạm tội cũng có các động cơ phạm tội hoặc để cản trở... hoặc để trả thù... hoặc để đe doạ người khác hoặc... Chúng tôi cho rằng ý tưởng của nhà làm luật khi quy định các trường hợp phạm tội đối với người thi hành công vụ là dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng của các tội tương ứng là có tính đến yếu tố chống người thi hành công vụ của người phạm tội khi thực hiện các hành vi phạm tội cụ thể như Nghị quyết số 04-HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao đã xác nhận. Song lời văn trong các điều luật vừa không thống nhất vừa không đầy đủ và chưa lột tả rõ các động cơ của người phạm tội trong thực tế mà Nghị quyết số 04-HĐTP ngày 29/11/1986 đã nêu ra (trừ quy định ở điểm k khoản 1 Điều 104). Với những phân tích trên, chúng tôi kiến nghị:

Thứ nhất, sửa các quy định ở đoạn 1 điểm k khoản 1 Điều 93 “giết người đang thi hành công vụ”; ở đoạn 1 điểm b khoản 2 Điều 103 “đối với người thi hành công vụ”; ở đoạn 1 điểm d khoản 2 Điều 117 “đối với người thi hành công vụ”; ở đoạn 1 điểm d khoản 2 Điều 117 “đối với người thi hành công vụ”; ở đoạn 1 điểm d khoản 2 Điều 118 “đối với người đang thi hành công vụ”; ở

điểm đ khoản 2 Điều 122 “đối với người thi hành công vụ”; ở điểm c khoản 2 Điều 123 “đối với người thi hành công vụ” thành “để cản trở người thi hành công vụ” bởi quy định này không chỉ phản ánh rõ động cơ phạm tội, thực tế hành vi phạm tội xảy ra đối với người thi hành công vụ mà còn phản ánh được hành vi phạm tội có thể xảy ra khi nạn nhân chuẩn bị thi hành công vụ hoặc đang thi hành công vụ.

Thứ hai, bổ sung dấu hiệu “vì lí do công vụ của nạn nhân” vào các điểm d khoản 2 Điều 121, điểm đ khoản 2 Điều 122, điểm c khoản 2 Điều 123 và bổ sung dấu hiệu “để cản trở người thi hành công vụ” vào trước dấu hiệu “vì lí do công vụ của người bị hại” (điểm đ khoản 2 Điều 143). Với việc bổ sung này sẽ phản ánh được đầy đủ hơn động cơ của người phạm các tội này có thể là để cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ, có thể để trả thù họ hoặc đe doạ người khác. Nếu sửa đổi và bổ sung như chúng tôi kiến nghị tất cả các tội có dấu hiệu chống người thi hành công vụ đều có dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng là: “Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lí do công vụ của nạn nhân” tương tự quy định đã được thực tế xác nhận ở điểm k khoản 1 Điều 104 BLHS. Quy định “Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lí do công vụ của nạn nhân” vừa phản ánh đúng và đầy đủ động cơ của người phạm các tội này trong thực tế vừa đảm bảo tính thống nhất và chính xác trong kỹ thuật lập pháp./.

(1).Xem: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà, “*Tội phạm và cấu thành tội phạm*”, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội 2005, tr.125, 126.

(2).Xem: Điều 205 Bộ luật hình sự năm 1985.